

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 5 năm 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Hồng Thúc
- Ông Lương Văn Tượng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị C, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố O, thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số X, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân Q, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố Oi, th trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25/11/2022, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Xuân Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09/8/2011 tại UBND xã QH (nay là UBND thị trấn LC), huyện LC, tỉnh Thanh Hóa, được UBND xã QH cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 09/8/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, anh Q lại không tu trí làm ăn mà còn chơi bời lêu lổng, ham mê cơ bạc và nghiện ma túy dẫn đến bất đồng trong gia đình, nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh Q ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, từ tháng 4/2022 chị về xã NS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa ở với bố mẹ đẻ, còn anh Q vẫn ở tại khu phố O, thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng ly thân từ đó, không ai tâm đến ai. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Q, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Xuân Q.

Về con: Chị và anh Lê Xuân Q có 02 con chung là cháu Lê Thị L1, sinh ngày 14/8/2011 và cháu Lê Xuân L2, sinh ngày 16/11/2014. Kể từ khi chị và anh Q ly thân, cháu L1, cháu L2 ở với anh Q và bà nội của các cháu. Theo đơn khởi kiện, chị đề nghị giao cháu L1 cho chị và giao cháu L2 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng nay chị đề nghị giao cả hai cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Bởi vì, trong suốt thời gian vợ chồng chung sống và cả khi ly thân các cháu đều do chị chăm sóc và chu cấp để nuôi dưỡng; khi ly hôn, anh Q không có việc làm và thu nhập, mẹ anh Q đã già yếu (66 tuổi) nên không có điều kiện để nuôi dưỡng các cháu; hiện nay chị đang làm công nhân, có thu nhập bình quân mỗi tháng từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu tốt nhất. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giao cả cháu L1 và cháu L2 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Bùi Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Xuân Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải và triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh Q đều vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân

theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh Lê Xuân Q vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn Bùi Thị C và Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 09/8/2011, do UBND xã QH (Nay là UBND thị trấn LC), huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị C và anh Lê Xuân Q là hợp pháp.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ lời trình bày của chị Bùi Thị C và kết quả xác minh tại địa phương nơi đương sự cư trú thì giữa chị C và anh Q thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn, anh Q lại không tu trí làm ăn, chơi bời lêu lổng, ham mê cờ bạc và nghiện ma túy. Vợ chồng đã có thời gian dài ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, tham gia hòa giải giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh Q không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, quyết định cho chị C được ly hôn anh Q.

[5]. Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Bùi Thị C và bản sao Giấy khai sinh của cháu L1, cháu L2 đủ cơ sở xác định: Cháu Lê Thị L1, sinh ngày 14/8/2011 và cháu Lê Xuân L2, sinh ngày 16/11/2014 là con chung của chị C và anh Q.

Xét đề nghị của chị C, thấy: Theo kết quả xác minh tại địa phương thì gia đình anh Q có điều kiện kinh tế khó khăn, nhưng anh Q không tu trí làm ăn, chơi bời lêu lổng, nghiện ma túy và đã bị Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh xử phạt tù về tội liên quan đến ma túy. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù anh Q trở về địa phương nhưng tính tình không thay đổi và không quan tâm đến gia đình, vợ con. Trong thời gian vợ chồng chung sống và cả thời gian ly thân, cháu L1, cháu L2 đều do chị C chăm sóc, chu cấp để các cháu có điều kiện ăn mặc, học hành. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q không có ý kiến về việc nuôi con. Mặc dù cháu L2 có nguyện vọng ở với anh Q, nếu giao cháu L2 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng thì anh Q không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc tốt. Đối với

cháu L1, cháu có nguyện vọng được ở với chị C. Vì vậy, để cháu L1 và cháu L2 được yêu thương chăm sóc đầy đủ, có điều kiện phát triển một cách tốt nhất về mọi mặt, nên giao các cháu cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6]. Về tài sản: Chị Bùi Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Bùi Thị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nhưng chị C là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Mường), sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí, Tòa án đã quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho chị C, nay xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị C được ly hôn anh Lê Xuân Q.

Về con: Giao các cháu Lê Thị L1, sinh ngày 14/8/2011 và cháu Lê Xuân L2, sinh ngày 16/11/2014 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị Bùi Thị C.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Bùi Thị C, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; vắng mặt bị đơn Lê Xuân Q. Chị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người BVQVLIHP của đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA